

**BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
LẦN THỨ BA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4639/BTP-HĐKT
V/v thông báo kết quả phúc tra kỳ kiểm tra
KQTSHNCC lần thứ ba

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thí
sinh đề nghị phúc tra

Thực hiện Kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ ba ban hành kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-HĐKT ngày 11/7/2019 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ ba, việc chấm phúc tra bài kiểm tra viết đã được tổ chức theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng. Kết quả phúc tra đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra phê duyệt.

Hội đồng kiểm tra đề nghị Sở Tư pháp thông báo kết quả phúc tra cho các thí sinh của địa phương mình. Kết quả phúc tra là kết quả cuối cùng trong kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ ba đối với các thí sinh đã đề nghị phúc tra. Thí sinh đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra sẽ được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra cấp Giấy chứng nhận đạt kết quả kiểm tra.

(Kết quả phúc tra được gửi kèm theo Công văn này và được đăng tải trên Cổng thông tin Bộ Tư pháp www.moj.gov.vn, và trang Bỏ trợ tư pháp của Cổng thông tin Bộ Tư pháp www.moj.gov.vn/bttp.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các thành viên HĐKT (để biết);
- Hiệp hội CCVVN;
- Cổng Thông tin Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, BTPP.

**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
CHỦ TỊCH**



**THỨ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Phan Chí Hiếu**

BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ
HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG LẦN THỨ BA



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2019

KẾT QUẢ PHÚC TRA

KỲ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG LẦN THỨ BA

(Kèm theo Công văn số: 4639/BTP-HĐKT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng kiểm tra)

STT	Họ	Tên	Ngày sinh		Nơi đăng ký tập sự	Số báo danh	Điểm phúc tra bài viết	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ					
1.	Phan Tuấn	Anh	20/3/1980		Đồng Nai	011/TSCC	28,5	Không đạt	
2.	Lê Ngọc	Anh		26/8/1991	Hà Nội	015/TSCC	37	Không đạt	
3.	Trần Tuấn	Anh	29/01/1974		Hưng Yên	017/TSCC	23,25	Không đạt	
4.	Võ Thị Hương	Anh		17/8/1992	Nghệ An	021/TSCC	16	Không đạt	
5.	Trần Thị Tú	Anh		17/7/1979	Tây Ninh	022/TSCC	43,75	Không đạt	
6.	Nguyễn Viết Hoàng	Anh	08/9/1990		Nghệ An	029/TSCC	9,5	Không đạt	
7.	Nguyễn Duy	Bá	30/3/1978		Đồng Nai	032/TSCC	4,5	Không đạt	
8.	Ngô Đình	Bảo	02/12/1967		BR-VT	035/TSCC	14	Không đạt	
9.	Dương Ngọc	Bích		02/6/1962	TP. HCM	038/TSCC	32,5	Không đạt	Không phúc tra bài vấn đáp theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP
10.	Phàn Thị Thanh	Bình		06/3/1973	Lào Cai	046/TSCC	50,25	Đạt	
11.	Vũ Thanh	Bình		14/11/1986	Lào Cai	047/TSCC	39,5	Không đạt	
12.	Đoàn Thị	Bình		16/01/1962	Quảng Bình	048/TSCC	40,5	Không đạt	

[Handwritten signature]

13.	Vũ Thị	Châm		19/6/1979	Nam Định	056/TSCC	52,25	Đạt	
14.	Hà Minh	Châu	22/4/1976		TP. HCM	060/TSCC	18	Không đạt	
15.	Trần Văn	Chí	08/5/1958		Bến Tre	064/TSCC	33,5	Không đạt	
16.	Đỗ Hữu	Chinh	04/01/1978		Lâm Đồng	068/TSCC	17	Không đạt	
17.	Lương Hùng	Cường	01/6/1966		Thái Bình	079/TSCC	50,5	Đạt	
18.	Phạm Cao	Đài	15/01/1961		TP. HCM	081/TSCC	13	Không đạt	
19.	Lê Hoàng Bảo	Đại	23/7/1988		Cần Thơ	082/TSCC	28,5	Không đạt	
20.	Nông Thị	Dần		14/12/1961	Hà Giang	083/TSCC	29	Không đạt	
21.	Lê Thị	Đào		28/10/1963	Hòa Bình	086/TSCC	24	Không đạt	
22.	Đặng Kiều	Diễm		16/6/1989	Cà Mau	091/TSCC	32,5	Không đạt	
23.	Nguyễn Thị Hồng	Diệp		20/5/1963	Long An	097/TSCC	26,25	Không đạt	
24.	Trần Bình	Định	01/10/1976		Đắk Nông	100/TSCC	29,75	Không đạt	
25.	Nguyễn Hữu	Đức	20/6/1976		Đắk Lắk	107/TSCC	36	Không đạt	
26.	Phạm Thị Thùy	Dung		26/10/1988	Thái Nguyên	115/TSCC	27,75	Không đạt	
27.	Nguyễn Quốc	Dũng	22/10/1987		Bắc Ninh	118/TSCC	25,5	Không đạt	
28.	Trần Việt	Dũng	20/4/1972		Đà Nẵng	119/TSCC	37,25	Không đạt	
29.	Nguyễn Trung	Dũng	01/5/1959		Đồng Tháp	120/TSCC	28	Không đạt	
30.	Hoàng Duy	Dũng	16/10/1983		Hà Nội	122/TSCC	37,5	Không đạt	
31.	Nguyễn Văn	Được	15/10/1971		Bình Thuận	126/TSCC	23	Không đạt	
32.	Huỳnh Điền Bảo	Duy	20/10/1990		Bình Phước	134/TSCC	37	Không đạt	
33.	Trần Thị Mỹ	Duyên		27/12/1980	Cần Thơ	136/TSCC	22	Không đạt	
34.	Trần Thúy	Duyên		10/12/1981	Hà Nội	137/TSCC	28,75	Không đạt	Không phúc tra bài vấn đáp theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP
35.	Nguyễn Thị	Hà		20/5/1991	Đắk Lắk	146/TSCC	37,5	Không đạt	

36.	Nguyễn Thị Thu	Hà		01/02/1977	Gia Lai	147/TSCC	33,5	Không đạt	
37.	Nguyễn Thị Ngọc	Hà		11/10/1986	Hà Nội	148/TSCC	36,75	Không đạt	
38.	Ngô Thị Ngọc	Hà		22/4/1982	Lạng Sơn	151/TSCC	39,25	Không đạt	
39.	Nguyễn Thị Minh	Hà		08/02/1979	TP. HCM	155/TSCC	31	Không đạt	
40.	Trần Thị	Hải		18/10/1962	Quảng Ninh	161/TSCC	31	Không đạt	
41.	Nguyễn Huy	Hải	01/11/1984		Quảng Trị	162/TSCC	23	Không đạt	
42.	Nguyễn Bắc	Hải	28/10/1984		Lâm Đồng	165/TSCC	26,75	Không đạt	
43.	Trần Thị	Hằng		15/8/1989	Bắc Ninh	168/TSCC	29	Không đạt	
44.	Lê Thị Lệ	Hằng		02/6/1987	Cần Thơ	170/TSCC	32	Không đạt	
45.	Đỗ Diệu	Hằng		23/12/1988	Hà Nội	174/TSCC	44,75	Không đạt	
46.	Cần Thị	Hằng		05/11/1976	Khánh Hòa	177/TSCC	38,5	Không đạt	
47.	Lê Thị Thúy	Hằng		20/12/1979	Quảng Ngãi	180/TSCC	16,5	Không đạt	
48.	Nguyễn Thị Thu	Hằng		24/12/1968	TP. HCM	183/TSCC	42	Không đạt	
49.	Hoàng Thị Minh	Hằng		12/3/1962	TP. HCM	184/TSCC	11	Không đạt	
50.	Nguyễn Thị Phúc	Hạnh		15/5/1960	TP. HCM	187/TSCC	32,75	Không đạt	
51.	Nguyễn Văn	Hào	15/4/1986		Hà Nội	188/TSCC	33,5	Không đạt	
52.	Hồ Sỹ	Hào	27/8/1981		Quảng Trị	190/TSCC	28,25	Không đạt	
53.	Đoàn Thị Ngọc	Hiền		20/8/1975	Đồng Nai	198/TSCC	31	Không đạt	
54.	Tiêu Thị Minh	Hiền		21/3/1990	Hải Dương	202/TSCC	42	Không đạt	
55.	Lê Minh	Hiền		21/7/1963	Khánh Hòa	204/TSCC	28	Không đạt	
56.	Nguyễn Thiện	Hiền	09/10/1966		Nghệ An	205/TSCC	22	Không đạt	
57.	Trần Hòa	Hiệp	17/5/1987		Cần Thơ	215/TSCC	33,25	Không đạt	
58.	Đoàn Xuân	Hiệp	18/7/1963		TP. HCM	217/TSCC	33,5	Không đạt	
59.	Phan Thị	Hiếu		20/10/1991	Nghệ An	219/TSCC	41,25	Không đạt	
60.	Nguyễn Thị	Hiếu		30/8/1960	TP. HCM	223/TSCC	29,5	Không đạt	

61.	Nguyễn Văn	Hòa	21/5/1975		Hà Nội	238/TSCC	50	Đạt	
62.	Nguyễn Thị Thu	Hoài		19/8/1989	Đắk Lắk	240/TSCC	25,75	Không đạt	
63.	Đào Duy	Hoan	10/12/1960		Hà Nội	242/TSCC	48,25	Không đạt	
64.	Trần Duy	Hoan	20/11/1961		TP. HCM	243/TSCC	27,5	Không đạt	
65.	Bùi Quốc	Hoàn	19/3/1970		Khánh Hòa	245/TSCC	12	Không đạt	
66.	Trần Đắc	Hoàng	26/01/1970		Đồng Nai	247/TSCC	33	Không đạt	
67.	Nguyễn Thị Thúy	Hồng		19/6/1981	Bình Dương	253/TSCC	27,75	Không đạt	
68.	Phạm Văn	Hồng	11/11/1990		Nghệ An	263/TSCC	33	Không đạt	
69.	Lê Thị	Hợp		17/8/1981	Đà Nẵng	264/TSCC	34	Không đạt	
70.	Hoàng Minh	Huân	19/4/1992		Lâm Đồng	266/TSCC	20	Không đạt	Không phúc tra bài vấn đáp theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP
71.	Nguyễn Đỗ	Hùng	1975		Hà Nội	274/TSCC	23,75	Không đạt	
72.	Nguyễn Anh	Hùng	08/8/1979		TP. HCM	280/TSCC	13	Không đạt	
73.	Thái Việt	Hùng	09/5/1976		Vĩnh Phúc	282/TSCC	31	Không đạt	
74.	Nguyễn Ngọc	Hùng	09/12/1985		Nghệ An	283/TSCC	29	Không đạt	
75.	Lỗ Tiến	Hưng	01/8/1958		Hòa Bình	286/TSCC	30,5	Không đạt	
76.	Nguyễn Tiến	Hưng	13/9/1988		Phú Thọ	287/TSCC	34,25	Không đạt	
77.	Phạm Thị Thu	Hương		30/9/1983	Đồng Nai	290/TSCC	41	Không đạt	
78.	Nguyễn Thị Lan	Hương		04/6/1978	Hà Nội	295/TSCC	37	Không đạt	
79.	Nguyễn Duy Tú	Hường		19/3/1991	TP. HCM	308/TSCC	30,5	Không đạt	
80.	Lê Quốc	Huy	08/8/1970		Gia Lai	312/TSCC	24,5	Không đạt	
81.	Phạm Thị	Huyền		11/4/1974	Hà Nội	328/TSCC	40,75	Không đạt	
82.	Trịnh Thúy	Huyền		16/5/1985	Hà Nội	329/TSCC	33	Không đạt	
83.	Nguyễn Minh	Kháng	11/8/1987		An Giang	334/TSCC	27	Không đạt	

84.	Lương Văn	Kiên	20/01/1956		Gia Lai	345/TSCC	23,5	Không đạt	
85.	Nguyễn Văn	Kỳ	01/6/1959		Lâm Đồng	352/TSCC	33	Không đạt	
86.	Nguyễn Thị Mỹ	Lan		04/5/1965	Cần Thơ	355/TSCC	23,75	Không đạt	
87.	Điền Tuyết	Lan		05/11/1961	Ninh Bình	357/TSCC	12,5	Không đạt	
88.	Bùi Thị Phương	Lan		01/12/1983	TP. HCM	359/TSCC	50	Đạt	
89.	Nguyễn Thị Thu	Liên		13/5/1990	Đắk Lắk	370/TSCC	41,75	Không đạt	
90.	Nguyễn Thị	Liều		16/7/1991	Hưng Yên	374/TSCC	41,5	Không đạt	
91.	Lê Đăng	Linh	22/11/1983		Bắc Ninh	375/TSCC	50	Đạt	
92.	Võ Thị Thùy	Linh		27/5/1981	Quảng Trị	380/TSCC	45	Không đạt	
93.	Huỳnh Cẩm	Loan		23/7/1981	Lâm Đồng	389/TSCC	20	Không đạt	
94.	Nguyễn Tấn	Lộc	29/12/1981		Bình Dương	393/TSCC	36,75	Không đạt	
95.	Nguyễn Công	Luận	28/02/1957		Bình Thuận	406/TSCC	24,5	Không đạt	
96.	Đặng Thị Hồng	Luyến		25/5/1987	Bến Tre	414/TSCC	34	Không đạt	
97.	Nguyễn Thị	Lý		02/9/1961	Phú Yên	420/TSCC	28,25	Không đạt	
98.	Phan Văn	Mãnh	20/9/1960		Tiền Giang	427/TSCC	35,5	Không đạt	
99.	Nguyễn Tiến	Mạnh	10/01/1986		Hà Nội	429/TSCC	40	Không đạt	
100.	Nguyễn Đình	Mạnh	14/10/1976		Hải Phòng	430/TSCC	24	Không đạt	
101.	Tô Xuân	Mão	06/6/1981		Hà Nội	432/TSCC	40	Không đạt	
102.	Nguyễn Văn	Mến	20/5/1980		Cần Thơ	434/TSCC	19	Không đạt	
103.	Lê Thị	Miền		20/11/1987	Quảng Ninh	435/TSCC	40	Không đạt	
104.	Cán Văn	Minh	01/9/1955		Hà Nội	441/TSCC	14,5	Không đạt	
105.	Cao Nguyễn Nhật	Minh	18/7/1992		Lâm Đồng	443/TSCC	33,5	Không đạt	
106.	Thái Trung	Nam	07/6/1981		Cần Thơ	453/TSCC	26,5	Không đạt	
107.	Đoàn Tiến	Nam	04/8/1976		Hà Nội	455/TSCC	25	Không đạt	
108.	Nguyễn Bé	Năm		10/11/1985	Cần Thơ	456/TSCC	39	Không đạt	



109.	Huỳnh Thị Nga		24/9/1959	Đồng Nai	457/TSCC	39,5	Không đạt	
110.	Nguyễn Thị Phương Ngân		10/4/1988	Hà Nội	465/TSCC		Không đạt	Không phúc tra bài vấn đáp theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP
111.	Huỳnh Văn	Ngang	09/9/1958		Cần Thơ	469/TSCC	33	Không đạt
112.	Nguyễn Thị	Ngát	01/9/1963		Hòa Bình	470/TSCC	53	Đạt
113.	Lâm Thanh	Nghị	18/01/1984		Đồng Nai	472/TSCC	27	Không đạt
114.	Trần Trọng	Nghĩa	14/9/1967		Bình Dương	474/TSCC	30,5	Không đạt
								Đã kiểm tra, điểm vấn đáp là 34
115.	Hoàng Văn	Ngọc	06/12/1990		Quảng Ninh	481/TSCC	18,5	Không đạt
116.	Phan Thị Bảo	Nguyên	14/10/1985		BR-VT	485/TSCC	41	Không đạt
117.	Mã Hải	Nhân	05/6/1955		Hà Giang	494/TSCC	18,5	Không đạt
118.	Trần Thị	Nhanh	1962		Long An	497/TSCC	24	Không đạt
119.	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	23/11/1963		Vĩnh Long	502/TSCC	32,75	Không đạt
120.	Tia Thụy	Như	03/8/1988		TP. HCM	508/TSCC	41,25	Không đạt
121.	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	30/01/1984		Long An	512/TSCC	29	Không đạt
122.	Trần Mạnh	Ninh	29/5/1984		Bắc Giang	521/TSCC	31,5	Không đạt
123.	Nguyễn. Thị	Oanh	05/9/1991		Bình Dương	524/TSCC	40	Không đạt
124.	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	15/10/1970		TP. HCM	526/TSCC	22,5	Không đạt
125.	Tô Ngọc	Phát	08/12/1970		TP. HCM	531/TSCC	21	Không đạt
126.	Nguyễn Thanh	Phong	19/3/1982		Long An	534/TSCC	46	Không đạt
127.	Tăng Hồng	Phúc	31/5/1958		Hậu Giang	537/TSCC	33,5	Không đạt
128.	Nguyễn Gia	Phúc	16/8/1984		Long An	538/TSCC	48	Không đạt
129.	Đinh Thị Bích	Phượng	31/10/1978		Kiên Giang	555/TSCC	21,25	Không đạt
130.	Nguyễn Văn	Quang	22/7/1980		Thái Nguyên	565/TSCC	25	Không đạt

131.	Trương Đăng	Quang	14/3/1984		Thái Nguyên	566/TSCC	29,5	Không đạt	
132.	Trương Vương	Quốc	1979		Hậu Giang	570/TSCC	28	Không đạt	
133.	Lâm Tú	Quyên		11/12/1985	Vĩnh Long	578/TSCC	37	Không đạt	
134.	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		02/4/1993	Hà Nội	584/TSCC	45	Không đạt	
135.	Nguyễn Tiến	Quỳnh	05/5/1983		Hà Nam	586/TSCC	29	Không đạt	
136.	Trần Văn	Sở	12/02/1960		Lâm Đồng	592/TSCC	17,75	Không đạt	
137.	Nguyễn Văn	Sơn	17/3/1983		Bình Dương	594/TSCC	39,5	Không đạt	
138.	Trần Lâm	Sơn	27/10/1961		Cần Thơ	595/TSCC	34,5	Không đạt	
139.	Phạm Văn	Sơn	20/10/1976		Đắk Nông	596/TSCC	18,5	Không đạt	
140.	Nguyễn Hoàng	Sơn	11/11/1983		Sóc Trăng	604/TSCC	31,25	Không đạt	
141.	Nguyễn Ngọc	Sơn	16/11/1968		Thái Bình	605/TSCC	13	Không đạt	
142.	Huỳnh	Sự	05/5/1958		Đà Nẵng	611/TSCC	25,5	Không đạt	
143.	Phan Xuân	Tân	03/7/1963		Gia Lai	630/TSCC	32,25	Không đạt	
144.	Nguyễn Thanh	Tân	24/01/1970		Lâm Đồng	633/TSCC	17,5	Không đạt	
145.	Trương Quang	Thắng	30/8/1979		Bình Thuận	639/TSCC	24,75	Không đạt	
146.	Nguyễn Đức	Thắng	19/9/1989		Thái Nguyên	642/TSCC	29,5	Không đạt	
147.	Võ Trần Phương	Thanh	03/3/1984		Bến Tre	645/TSCC	30	Không đạt	
148.	Mai Đức	Thanh	01/01/1975		Bình Dương	646/TSCC	23	Không đạt	
149.	Đặng Thị	Thanh		15/12/1975	Đà Nẵng	647/TSCC	48	Không đạt	
150.	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh		18/9/1991	Gia Lai	648/TSCC	27	Không đạt	
151.	Nguyễn Thị	Thanh		22/4/1968	Gia Lai	649/TSCC	17,5	Không đạt	
152.	Nguyễn Thị	Thanh		23/11/1989	TP. HCM	654/TSCC	43	Không đạt	
153.	Hà Thị	Thanh		20/5/1962	TP. HCM	655/TSCC	18,75	Không đạt	
154.	Lê Chí	Thành	18/10/1976		TP. HCM	665/TSCC	22	Không đạt	
155.	Nguyễn Thị Thu	Thảo		20/10/1980	Đà Nẵng	674/TSCC	26	Không đạt	

156.	La Thị	Thảo		07/3/1993	Hà Nội	676/TSCC		Không đạt	Đã kiểm tra, điểm vấn đáp là 26,5
157.	Nguyễn Văn	Thét	05/10/1953		Tây Ninh	682/TSCC	13,5	Không đạt	Không phúc tra bài vấn đáp theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP
158.	Phạm Ngọc	Thiệm	07/9/1965		Điện Biên	684/TSCC	51	Đạt	
159.	Phùng Xuân	Thoại	10/9/1959		Lâm Đồng	696/TSCC	35	Không đạt	
160.	Vương Thị	Thời		15/4/1960	Tây Ninh	697/TSCC	16	Không đạt	Không phúc tra bài vấn đáp theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP
161.	Nguyễn Thị	Thu		01/7/1980	Hải Dương	700/TSCC	31	Không đạt	
162.	Huỳnh Hạnh	Thư		14/7/1989	Cần Thơ	703/TSCC	30,5	Không đạt	
163.	Phạm Đức	Thuận	23/4/1982		Gia Lai	707/TSCC	38,25	Không đạt	
164.	Phan Văn	Thương	12/02/1960		Lâm Đồng	713/TSCC	17,5	Không đạt	
165.	Lý Thị	Thường		24/7/1962	Yên Bái	717/TSCC	21,5	Không đạt	
166.	Phạm Thị Thanh	Thủy		10/12/1960	Đồng Nai	724/TSCC	24,75	Không đạt	
167.	Nguyễn Thị	Thủy		13/4/1985	Hà Nội	725/TSCC	35,75	Không đạt	
168.	Hà Thị Thu	Thủy		04/6/1991	Lạng Sơn	728/TSCC	27	Không đạt	
169.	Tổng Thị Thu	Thủy		08/11/1975	Quảng Ninh	730/TSCC	21	Không đạt	
170.	Đào Văn	Tiến	22/3/1964		Bình Thuận	734/TSCC	26,5	Không đạt	
171.	Nguyễn Vũ	Tiếng	04/11/1977		Cần Thơ	740/TSCC	24,25	Không đạt	
172.	Nguyễn Trung	Tín	02/01/1980		TP. HCM	742/TSCC	35,75	Không đạt	
173.	Phạm Văn	Tổ	06/6/1958		Hải Dương	744/TSCC	26	Không đạt	
174.	Võ Ngọc	Toàn	31/10/1986		TP. HCM	746/TSCC	17	Không đạt	
175.	Thái Quang	Toản	06/01/1958		Hà Nội	749/TSCC	30	Không đạt	



176.	Phạm Thị Thu	Trang		01/12/1985	Hà Nội	759/TSCC	50	Đạt	
177.	Đỗ Hoàng Thảo	Trang		01/6/1984	Lâm Đồng	763/TSCC	27	Không đạt	
178.	Nguyễn Thị Tuyết	Trang		30/12/1953	Tây Ninh	765/TSCC	19	Không đạt	
179.	Tổng Thị Thùy	Trang		1986	Tiền Giang	767/TSCC	31	Không đạt	
180.	Vũ Thu	Trang		21/8/1984	TP. HCM	770/TSCC	25	Không đạt	
181.	Hoàng Thị	Trang		21/4/1988	Quảng Ninh	771/TSCC	50	Đạt	
182.	Phạm Văn	Trí	25/3/1987		Lâm Đồng	772/TSCC	16	Không đạt	
183.	Lê Minh	Trí	23/12/1978		Vĩnh Long	774/TSCC	08	Không đạt	
184.	Lê Thị Kim	Trúc		29/5/1963	Ninh Thuận	777/TSCC		Không đạt	Không xem xét vì đơn phúc tra gửi sau thời hạn quy định (gửi đi ngày 28/10/2019 theo dấu bưu điện)
185.	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		22/11/1963	TP. HCM	778/TSCC	38,5	Không đạt	
186.	Nguyễn Hữu	Trung	15/01/1958		TP. HCM	781/TSCC	21,5	Không đạt	
187.	Lê Hiếu	Trung	02/02/1977		Hậu Giang	785/TSCC	31	Không đạt	
188.	Huỳnh Cao	Trường	10/11/1971		Long An	788/TSCC	29	Không đạt	
189.	Nguyễn Văn	Tư	15/5/1984		Đà Nẵng	792/TSCC	23,5	Không đạt	
190.	Lê Ngọc	Tuân	24/02/1981		TP. HCM	794/TSCC	20,5	Không đạt	
191.	Lê Sanh Hồng	Tuấn	23/5/1982		Bến Tre	795/TSCC	40,75	Không đạt	
192.	Nguyễn Văn	Tuấn	01/10/1988		Hà Nội	797/TSCC	41,5	Không đạt	
193.	Đỗ Xuân	Tuấn	21/5/1974		Hà Nội	798/TSCC	17,5	Không đạt	
194.	Hoàng Diệu	Tuấn	30/10/1972		Hòa Bình	800/TSCC	36,75	Không đạt	
195.	Đoàn Thanh	Tuấn	20/4/1989		Lâm Đồng	801/TSCC	30,5	Không đạt	
196.	Hoàng Anh	Tuấn	03/02/1978		Quảng Bình	804/TSCC	25	Không đạt	

197.	Đinh Vũ	Tuấn	03/4/1990		TP. HCM	805/TSCC	43,25	Không đạt	
198.	Trịnh Thị	Tươi		08/3/1975	Thái Bình	812/TSCC	30	Không đạt	
199.	Dương Bích	Tuyền		06/4/1985	TP. HCM	815/TSCC	41,5	Không đạt	
200.	Hồ Hà	Vân		18/02/1986	Đắk Lắk	827/TSCC	28	Không đạt	
201.	Viên Thị	Vân		17/11/1962	Hà Giang	829/TSCC	27,5	Không đạt	
202.	Lưu Thị	Vân		13/4/1988	Thanh Hóa	836/TSCC	40	Không đạt	
203.	Ngô Lê	Vi	03/10/1983		Bình Thuận	841/TSCC	29	Không đạt	
204.	Nguyễn Văn	Việt	22/9/1985		Hà Nội	845/TSCC	43	Không đạt	
205.	Nguyễn Quang	Vinh	16/9/1963		TP. HCM	855/TSCC	27,5	Không đạt	
206.	Hồ Phương	Vũ	1986		An Giang	858/TSCC	33,25	Không đạt	
207.	Trần Thanh	Vũ	12/8/1983		Long An	859/TSCC	51,25	Đạt	
208.	Lê Quang	Vũ	02/01/1977		TP. HCM	862/TSCC	50	Đạt	
209.	Hoàng Thị	Vui		06/7/1963	BR-VT	864/TSCC	35,5	Không đạt	
210.	Nguyễn Quốc	Vương	21/8/1989		Đà Nẵng	867/TSCC	44	Không đạt	
211.	Trương Văn	Vy	04/10/1961		Quảng Nam	871/TSCC	16	Không đạt	
212.	Đặng Đồng	Xuân	01/8/1984		Bạc Liêu	873/TSCC	18,5	Không đạt	
213.	Nguyễn Thị Kim	Xuân		20/9/1975	Khánh Hòa	875/TSCC	18,5	Không đạt	
214.	Vũ Thị	Xuân		22/02/1987	Thái Nguyên	876/TSCC	37,5	Không đạt	
215.	Nguyễn Thị Kim	Yên		09/3/1981	Cần Thơ	881/TSCC	05	Không đạt	
216.	Đặng Thị Hải	Yên		17/11/1985	Đắk Nông	882/TSCC	37,75	Không đạt	

46